

11
2025



BẢN TIN PHÁP LUẬT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
DOANH THƯƠNG

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 11/2025

DOANH NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về việc phân loại đơn vị hành chính.

Nghị định số 307/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành và có hiệu lực từ ngày 27/11/2025, quy định chi tiết về tiêu chuẩn, phương pháp tính điểm, thẩm quyền và trình tự thủ tục phân loại đơn vị hành chính. Mục đích cốt lõi của việc phân loại là đánh giá quy mô, trình độ phát triển nhằm làm cơ sở hoạch định chính sách kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy và xác định biên chế phù hợp.

Về cơ cấu phân loại, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị cấp tỉnh loại đặc biệt, các thành phố trực thuộc trung ương khác là loại I; tỉnh và xã được chia thành ba loại (I, II, III), trong khi phường và đặc khu có thêm loại đặc biệt bên cạnh ba loại cơ bản.

Việc phân loại được thực hiện theo phương pháp tính điểm với thang điểm tối đa 100 dựa trên 04 nhóm tiêu chí: quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, và các yếu tố đặc thù. Cụ thể, đơn vị hành chính được xếp loại I nếu đạt từ 75 điểm trở lên, loại II từ 60 đến dưới 75 điểm, và loại III nếu dưới 60 điểm; riêng phường và đặc khu loại đặc biệt phải đạt từ 90 điểm trở lên. Ngoài ra, Nghị định quy định các điểm cộng ưu tiên (tối đa 10 điểm) cho các đơn vị có quy mô dân số hoặc diện tích vượt chuẩn từ 300% trở lên, hoặc có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế.

Về thẩm quyền quyết định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và phường, đặc khu loại đặc biệt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với các đơn vị hành chính cấp xã còn lại. Nghị định cũng đặt ra lộ trình chuyển tiếp cụ

thể: các đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp năm 2025 phải hoàn thành phân loại trước ngày 30/6/2026, trong khi các đơn vị giữ nguyên trạng phải phân loại lại trước ngày 30/4/2026.

➔ ĐẤT ĐAI - NHÀ Ở

Những sửa đổi quan trọng về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Quỹ phát triển đất

Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất.

Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ban hành ngày 06/11/2025 là văn bản pháp lý quan trọng của Chính phủ nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của hai nghị định nền tảng trước đó là Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP (quy định về Quỹ phát triển đất), nhằm kịp thời thể chế hóa các quy định mới của Luật Đất đai năm 2024 và đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch trong quản lý tài chính đất đai.

Nội dung sửa đổi chủ yếu tập trung vào các quy định về tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trong Nghị định 103/2024/NĐ-CP. Nghị định 291/2025/NĐ-CP đã bổ sung và làm rõ các quy định về việc xác định, thu nộp khoản tiền nộp bổ sung theo quy định của Luật Đất đai 2024 khi chuyển mục đích sử dụng đất hoặc thay đổi quy hoạch, quy định rõ nguyên tắc xác định thời điểm tính tiền nộp bổ sung. Đặc biệt, Nghị định đi sâu vào việc điều chỉnh cách tính tiền sử dụng đất khi cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân, bao gồm các trường hợp đã nộp tiền trước theo các quy định cũ nhưng chưa đủ, hoặc đối với phần diện tích đất vượt hạn mức được cấp Giấy chứng nhận, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ tài chính đất đai cho người sử dụng đất.

Một điểm nổi bật khác là việc làm rõ cách tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong trường hợp điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, hay các trường hợp thay đổi diện tích hoặc mục đích sử dụng đất không phải do lỗi của người sử dụng

đất. Nghị định cũng quy định chi tiết hơn về việc khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà người sử dụng đất đã ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, bao gồm cả nguyên tắc xác định số tiền được khấu trừ, hồ sơ và thẩm quyền giải quyết.

Về chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các quy định về đối tượng được miễn, giảm (như hộ gia đình, cá nhân); làm rõ các nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện miễn, giảm, đồng thời bổ sung quy định về việc thu hồi số tiền đã miễn, giảm nếu người sử dụng đất không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, Nghị định còn quy định chi tiết về việc ghi nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, mở rộng phạm vi áp dụng, điều kiện và hồ sơ, thủ tục ghi nợ. Cuối cùng, Nghị định cũng có các quy định về xử lý chuyển tiếp đối với các trường hợp đã có quyết định giá đất, thông báo nộp tiền hoặc đã nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

Đối với Nghị định 104/2024/NĐ-CP, Nghị định 291/2025/NĐ-CP sửa đổi một số điều liên quan đến hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Quy định chi tiết về Quỹ nhà ở quốc gia và thi hành Nghị quyết 201/2025/QH15 thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội

Nghị định số 302/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về Quỹ nhà ở quốc gia và biện pháp thi hành Nghị quyết 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

Nghị định 302/2025/NĐ-CP được ban hành vào ngày 19/11/2025 nhằm cụ thể hóa việc thành lập và hoạt động của Quỹ nhà ở quốc gia, đồng thời triển khai Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội. Theo đó, Quỹ nhà ở quốc gia được tổ chức thành hai cấp: Quỹ nhà ở trung ương trực thuộc và do Bộ Xây dựng quản lý, và Quỹ nhà ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập và quản lý. Cả hai loại Quỹ này đều được định danh là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách

pháp nhân, con dấu riêng, hạch toán độc lập, và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại.

Mục tiêu cốt lõi trong hoạt động của Quỹ là tập trung vào việc đầu tư xây dựng và tạo lập nhà ở xã hội để cho thuê. Quỹ có thể tạo lập nhà ở thông qua nhiều hình thức đa dạng, bao gồm: trực tiếp đầu tư xây dựng các dự án nhà ở xã hội độc lập hoặc đồng bộ hạ tầng, mua nhà ở xã hội hoặc nhà ở thương mại, tiếp nhận, chuyển đổi công năng nhà ở thuộc tài sản công, đặt hàng, tiếp nhận nhà ở từ doanh nghiệp Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp, hoặc tiếp nhận nhà ở phục vụ tái định cư, tạm cư. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, công khai, minh bạch, và chỉ chịu trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản trong phạm vi số vốn đã đầu tư.

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được huy động từ nhiều kênh khác nhau, trong đó vốn ngân sách nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Cụ thể, vốn điều lệ lần đầu của Quỹ nhà ở trung ương do ngân sách trung ương cấp từ nguồn vốn đầu tư công phải tối thiểu là 5.000 tỷ đồng ngay sau khi thành lập và được nâng lên tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 03 năm tiếp theo. Đối với Quỹ nhà ở địa phương, vốn điều lệ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương, đồng thời được bổ sung từ số tiền trích tương đương giá trị quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội (từ chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại), số tiền bán nhà ở thuộc tài sản công, và số tiền đấu giá quyền sử dụng đất theo Nghị quyết 201/2025/QH15. Về đối tượng thuê nhà ở, Quỹ ưu tiên cho thuê nhà ở xã hội đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định. Đối với nhà ở được Quỹ tạo lập thông qua việc mua nhà ở thương mại, đối tượng thuê là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không lựa chọn hình thức hoặc không thuộc đối tượng thuê nhà ở xã hội. Nghị định cũng quy định thứ tự ưu tiên cho thuê, bắt đầu từ cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang nhân dân chịu tác động bởi việc sắp xếp đơn vị hành chính, chuyên gia, nhà khoa học, đến viên chức, người lao động thuộc cơ quan nhà nước, và công nhân trong khu công nghiệp.

Giá thuê nhà ở xã hội do Quỹ đầu tư xây dựng, tạo lập được xác định theo quy định đối với nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư bằng vốn đầu tư công. Đối với nhà ở thương mại được mua để cho thuê, giá thuê được tính trên cơ sở đảm bảo tính đủ chi phí bảo trì, chi phí thu hồi vốn tạo

lập, lãi vay (nếu có), và lợi nhuận định mức không vượt quá 10% tổng chi phí tạo lập.

Nghị định cũng quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan: Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý Quỹ nhà ở trung ương, Bộ Tài chính chủ trì báo cáo cấp vốn điều lệ, và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thành lập, quản lý Quỹ nhà ở địa phương. Quỹ có trách nhiệm xây dựng quy chế kiểm tra nội bộ, và chịu sự kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Bộ Xây dựng và cơ quan quản lý Quỹ về tình hình quản lý vốn, tài sản và kết quả hoạt động. Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 19/11/2025.

➔ BẢO HIỂM - LAO ĐỘNG

Nghị định 293/2025/NĐ-CP: Tăng lương tối thiểu vùng lên mức cao nhất 5.310.000 đồng/tháng từ 01/01/2026

Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Nghị định 293/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 10/11/2025 và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Văn bản pháp lý này quy định rõ mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ áp dụng cụ thể đối với nhóm người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Đối tượng áp dụng chính của Nghị định bao gồm người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, chẳng hạn như các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn và sử dụng lao động, cùng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện mức lương tối thiểu này.

Nghị định quy định mức lương tối thiểu được chia thành bốn vùng địa bàn, với các mức cụ thể: Vùng I là 5.310.000 đồng/tháng và 25.500 đồng/giờ; Vùng II là 4.730.000 đồng/tháng và 22.700 đồng/giờ; Vùng III là 4.140.000 đồng/tháng và 20.000 đồng/giờ; và Vùng IV là 3.700.000 đồng/tháng và 17.800 đồng/giờ. Danh mục chi tiết các địa bàn thuộc Vùng I, Vùng II, Vùng III và Vùng IV được liệt kê rõ tại Phụ lục đi kèm theo Nghị định. Về nguyên tắc áp dụng mức lương theo vùng, người sử dụng lao động hoạt động trên địa bàn thuộc vùng nào thì áp dụng mức lương tối thiểu quy định đối với địa bàn đó. Trong trường

hợp người sử dụng lao động có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên nhiều địa bàn với mức lương tối thiểu khác nhau thì đơn vị, chi nhánh ở địa bàn nào sẽ áp dụng mức lương tối thiểu của địa bàn đó. Một điểm đáng chú ý là đối với các đơn vị hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu khác nhau, mức áp dụng sẽ là mức lương tối thiểu cao nhất trong số các địa bàn đó.

Về việc áp dụng mức lương tối thiểu, Nghị định làm rõ rằng mức lương tối thiểu tháng là cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, đảm bảo mức lương theo công việc hoặc chức danh khi làm việc đủ thời giờ bình thường và hoàn thành định mức không được thấp hơn mức tối thiểu tháng. Tương tự, mức lương tối thiểu giờ là cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo giờ, đảm bảo mức lương mỗi giờ làm việc không được thấp hơn mức tối thiểu giờ. Đối với các hình thức trả lương khác như theo tuần, ngày, sản phẩm, hoặc lương khoán, mức lương của các hình thức này khi quy đổi theo tháng hoặc theo giờ cũng không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng hoặc giờ tương ứng. Nghị định cũng cung cấp công thức quy đổi mức lương theo tuần/ngày/sản phẩm thành mức lương theo tháng hoặc theo giờ dựa trên thời giờ làm việc bình thường.

Nghị định này chính thức bãi bỏ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ kể từ ngày có hiệu lực và đồng thời bãi bỏ Khoản 7 Điều 15 và Phụ lục I kèm theo của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức rà soát, điều chỉnh các thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy chế nội bộ cho phù hợp. Nghị định nghiêm cấm việc xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. Đặc biệt, các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng hoặc thỏa ước lao động tập thể có lợi hơn cho người lao động (như chế độ trả lương cao hơn mức tối thiểu cho công việc đòi hỏi qua học tập, đào tạo nghề hoặc công việc có điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm) vẫn được tiếp tục thực hiện, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

Cuối cùng, Nghị định cũng có quy định chuyển tiếp cho trường hợp do điều chỉnh địa bàn mà mức lương tối thiểu mới thấp hơn mức cũ tại thời điểm 31/12/2025, theo đó người sử dụng lao động phải tiếp tục thực hiện mức lương tối thiểu cao hơn tại thời điểm 31/12/2025 đối với những người lao động được tuyển dụng từ trước đó cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

➔ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Tăng cường chế tài xử phạt vi phạm chứng khoán, phạt tới 1,5 tỷ đồng với hành vi làm giả hồ sơ chào bán từ 09/01/2026

Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Nghị định 306/2025/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 25/11/2025 và có hiệu lực từ ngày 09/01/2026, là văn bản pháp lý toàn diện nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh. Về lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính, Nghị định 306/2025/NĐ-CP mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cùng các công ty con, đồng thời tăng cường tính nghiêm minh của các chế tài xử phạt, đặc biệt là việc kéo dài thời hạn đình chỉ hoạt động giao dịch chứng khoán và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán lên tối đa 24 tháng. Nghị định bổ sung nhiều biện pháp khắc phục hậu quả bắt buộc mới, trong đó nổi bật là các quy định chặt chẽ về quản lý tách biệt tài khoản và tài sản của khách hàng với tổ chức trung gian và VSDC, buộc các tổ chức phải cung cấp thông tin chính xác, cải chính thông tin, và buộc báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc mua lại/hoán đổi trái phiếu trước hạn.

Một phần quan trọng được sửa đổi là các quy định về xử phạt vi phạm liên quan đến chào bán cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng và các loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khác, với các mức phạt tiền được phân cấp rõ ràng, có thể lên đến 1,5 tỷ đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán. Các hành vi vi phạm như chào bán không đúng phương án, sử dụng vốn sai mục đích, hoặc vi phạm quy định về xác định tư cách nhà đầu tư chuyên nghiệp cũng bị xử phạt nặng, đi kèm với biện pháp khắc phục là buộc thu hồi chứng khoán, hoàn trả tiền mua chứng khoán kèm lãi suất cho nhà đầu tư.

Ngoài ra, Nghị định còn bổ sung quy định xử phạt vi phạm về đăng ký, giao dịch, công bố thông tin và các dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, cùng với việc tăng cường các chế tài đối với vi phạm về quản trị công ty (như không đảm bảo cơ cấu nhân sự, không chi trả cổ tức đã được thông qua) và các vi phạm của công ty chứng khoán (như không thực hiện giám sát giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh mà chưa báo cáo/chưa được chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

Đối với thị trường chứng khoán phái sinh, Nghị định sửa đổi điều kiện về tỷ lệ vốn khả dụng (tối thiểu 260% liên tục trong 12 tháng gần nhất) cho công ty chứng khoán muốn cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch phái sinh, và điều chỉnh Mẫu số 02 về danh sách nhân sự hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Cuối cùng, Nghị định cũng quy định rõ hơn về thẩm quyền xử phạt của Trưởng đoàn thanh tra và quy trình thi hành các quyết định xử phạt bổ sung.

➔ THUẾ - PHÍ

Siết chặt xử phạt vi phạm thuế và hóa đơn, tăng mức phạt lên tới 50 triệu đồng từ 16/01/2026

Nghị định số 310/2025/NĐ-CP ngày 02/12/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Nghị định số 310/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 16/01/2026 sửa đổi nhằm siết chặt kỷ cương và nâng cao hiệu quả quản lý hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn, thay thế cho một số quy định tại Nghị định 125/2020/NĐ-CP trước đây. Phạm vi xử phạt đã được mở rộng đáng kể, không chỉ dừng lại ở các khoản thuế truyền thống mà còn bao gồm cả các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý, đồng thời bổ sung định nghĩa chi tiết về các trường hợp bất khả kháng để làm căn cứ miễn trách nhiệm.

Một điểm mới quan trọng là việc mở rộng đối tượng bị xử phạt đối với cả các tổ chức, cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc khai, nộp thuế thay cho người nộp thuế, cũng như đơn vị hợp thành kê khai theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Nghị định cũng quy định chi tiết về nguyên tắc xử phạt theo hướng xử phạt về một hành vi có khung phạt cao nhất đối với trường hợp cùng một ngày khai sai nhiều chỉ tiêu hoặc chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế cùng một sắc thuế. Đặc biệt, Nghị định đã tăng nặng mức phạt tiền đối với nhiều hành vi, cụ thể như tăng khung phạt đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá 90 ngày lên đến 15 triệu đến 25 triệu đồng, và nâng mức phạt tiền đối với hành vi cho, bán hóa đơn lên 20 triệu đến 50 triệu đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh việc tăng cường chế tài, Nghị định cũng thể hiện sự khuyến khích tuân thủ pháp luật. Theo đó, không xử phạt đối với hành vi khai sai nếu người nộp thuế chủ động khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra. Đối với hành vi trốn thuế lần đầu, nếu người nộp thuế tự khai bổ sung và nộp đủ tiền thuế trước khi bị xử phạt, hành vi này sẽ được chuyển thành hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế và chỉ bị phạt 20% số thuế thiếu, thay vì bị phạt từ 1 đến 3 lần số thuế trốn như quy định chung, thể hiện chính sách khoan hồng và tạo điều kiện cho người nộp thuế tự khắc phục vi phạm.

Cuối cùng, Nghị định cũng bổ sung quy định về việc xử lý vi phạm trên môi trường điện tử và điều chỉnh thẩm quyền xử phạt của cơ quan thuế các cấp, hướng đến một hệ thống quản lý thuế hiện đại và minh bạch hơn.

➔ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

Xử phạt vi phạm hành chính tài nguyên nước, mức phạt tối đa 500 triệu đồng từ 06/11/2025

Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong tài nguyên nước.

Nghị định số 290/2025/NĐ-CP, ban hành ngày 06/11/2025, là văn bản pháp luật quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, áp dụng đối với mọi tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài có hành vi vi phạm trên lãnh thổ Việt Nam. Nghị định thiết lập khung xử phạt nghiêm khắc, bao gồm hình thức xử phạt chính là Cảnh cáo và Phạt tiền, với mức tối đa đối với cá nhân là 250.000.000 đồng và đối với tổ chức là 500.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, các hình thức xử phạt bổ sung được áp dụng như Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất từ 01 đến 12 tháng, và Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm. Điểm nổi bật là Nghị định quy định chi tiết đến 18 biện pháp khắc phục hậu quả chuyên biệt, nhằm buộc đối tượng vi phạm phải thực hiện các hành động khôi phục và bảo vệ nguồn nước một cách toàn diện bao gồm: buộc khắc phục các tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, xâm nhập mặn, sụt lún đất, buộc khắc phục các thiệt hại do lũ, lụt, ngập úng nhân tạo, thiếu nước, buộc thực hiện việc kê khai, đăng ký hoặc cấp phép nếu có nhu cầu tiếp tục khai thác, buộc trám lấp giếng không sử dụng, buộc di dời điểm xả thải ra khỏi vùng bảo hộ vệ sinh, và buộc dỡ bỏ vật cản gây cản trở dòng chảy.

Nghị định cũng quy định rõ ràng nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm để buộc nộp lại, với công thức tính cụ thể cho các hoạt động khai thác khác nhau (thủy điện, sản xuất nước sạch, nông nghiệp, v.v.). Về trình tự, thời hiệu xử phạt là 02 năm, và quy định chi tiết về nguyên tắc xác định hành vi vi phạm, cách tính tổng số ngày vi phạm đối với các hành vi liên quan đến vận hành hồ chứa (như không đảm bảo mực nước trước lũ hoặc dòng chảy tối thiểu) và khai thác vượt lưu lượng cho phép. Chương II của Nghị định liệt kê chi tiết các hành vi vi phạm cụ thể, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng, tập trung vào các nhóm vi phạm về: Điều tra cơ bản, Hành nghề khoan nước dưới đất, Phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, và Bảo vệ nguồn nước.

Cuối cùng, Nghị định cũng đề cập đến các trường hợp không xử phạt khi hành vi vi phạm xảy ra trong tình thế cấp thiết (ví dụ: khai thác vượt lưu lượng để đảm bảo nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán) và quy định về thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các Cục trưởng chuyên ngành, cùng các điều khoản chuyển tiếp và bãi bỏ các quy định liên quan tại các Nghị định trước đây.



HA NOI HEAD OFFICE

Suite 12B05, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh, Giang Vo Ward, Ha Noi City

HOCHIMINH OFFICE

115 Dang Van Ngu, Phu Nhuan Ward, HCM City

HAI PHONG OFFICE

161/41 Thien Loi, An Bien Ward, Hai Phong City

CONTACT

Phone: (+84) 24 62751708

Fax: (+84) 24 62751707

Email: info@blf.com.vn

Website: <https://blf.com.vn>

